TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HAI BÀ TRƯNG - TP HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **715**/QĐST-HNGĐ	*Quận Hai Bà Trưng, ngày 25 tháng 10 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý 623/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023 về việc ly hôn, giữa:

- *Nguyên đơn*: **Anh Nguyễn Minh L**; sinh năm 1972; Hộ khẩu thường trú: X2 Khu tập thể số 8 T, phường P, quận H, thành phố Hà Nội. Nơi cư trú: Số 6 ngõ 880/1 đường B, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn*: **Chị Nguyễn Thị T**; sinh năm 1977; Hộ khẩu thường trú: X2 Khu tập thể số 8 T, phường P, quận H, thành phố Hà Nội. Nơi cư trú: Số 6 ngõ 880/1 đường B, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH4 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 10 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 10 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Minh L và chị Nguyễn Thị T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Minh L và chị Nguyễn Thị T cùng xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời

sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cùng thuận tình ly hôn.

2.2 Về con chung: Anh Nguyễn Minh L và chị Nguyễn Thị T cùng xác nhận có ba con chung tên là: Nguyễn Thùy L, sinh ngày 11/10/2001; Nguyễn Thùy A, sinh ngày 21/8/2006; Nguyễn Minh D, sinh ngày 04/8/2013.

Đối với con chung Nguyễn Thùy L đã trưởng thành nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc giao nuôi con và cấp dưỡng.

Đối với hai con chung Nguyễn Thùy A và Nguyễn Minh D: anh chị thỏa thuận anh Nguyễn Minh L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai con chung kể từ khi anh chị ly hôn cho đến khi các con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc các con chung, mà không ai được cản trở.

2.3 Về tài sản chung (bao gồm động sản và bất động sản): Anh Nguyễn Minh L và chị Nguyễn Thị T tự thỏa thuận và không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Toà án không xét.

2.4 Về vay nợ chung: Anh Nguyễn Minh L và chị Nguyễn Thị T cùng xác nhận không có và không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Toà án không xét.

2.5 Về án phí: Anh Nguyễn Minh L và chị Nguyễn Thị T thoả thuận anh L là người chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) anh đã nộp theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 699518 ngày 05/10/2023 qua Kho bạc Nhà nước quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội (đơn vị nhận tiền: Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội), còn lại 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) trả lại cho anh Nguyễn Minh L.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**** Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- UBND xã Tiên Dược, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội
- VKSND quận Hai Bà Trưng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã kí)

Nguyễn Thị Phương Thủy